TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22- 8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

-***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2019/TLST- HNGĐ ngày 31tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị Tùng A; ĐKHKTT: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Ngô Văn T; cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Lưu Thị Tùng A trình bày:

Chị và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ

chồng chị về sống tại Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh Thao ghen tuông, đánh đập, chửi bới xúc phạm chị nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương sống, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã nghiêm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân, hai bên không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn T.

Về con chung: Chị và anh Ngô Văn T có 01 con chung là Ngô Bình M, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh Ngô Văn T tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Ngô Văn T không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Ngô Văn T:

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Ngô Văn T đến Toà án để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị Tùng A song anh Ngô Văn T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 51,56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: cho chị Lưu Thị Tùng A được ly hôn với anh Ngô Văn T.

Về con chung: Giao con chung Ngô Bình M, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014 cho chị Lưu Thị Tùng A trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Thị Tùng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của bị đơn anh Ngô Văn T : Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã giao và gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy báo và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Ngô Văn T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự song bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Lưu Thị Tùng A về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên thường xuyên va chạm, bất hòa, cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần báo anh Ngô Văn T đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa anh T và chị Tùng A. Tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ. Bản thân chị Lưu Thị Tùng A xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, không thể quay về đoàn tụ cùng anh T và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn T.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Lưu Thị Tùng A và anh Ngô Văn T kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị Tùng A với anh Ngô Văn T là có cơ sở cần được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lưu Thị Tùng A được ly hôn với anh Ngô Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị Tùng A và anh Ngô Văn T có 01 con chung là Ngô Bình M, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án chị Lưu Thị Tùng A có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh Ngô Văn T tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Ngô Văn T không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm của anh Ngô Văn T về con chung. Xét quan điểm của chị Lưu Thị Tùng A đưa ra là tự nguyện, phù hợp nên giao con chung

Ngô Bình M, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014 cho chị Lưu Thị Tùng A trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung*:* Chị Lưu Thị Tùng A có quan điểm chị và anh Ngô Văn T không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết còn anh Ngô Văn T không có quan điểm gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung, sau này nếu hai bên có tranh chấp Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị Lưu Thị Tùng A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 70, 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị Tùng A được ly hôn với anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Bình M, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014 cho chị Lưu Thị Tùng A trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị Tùng A phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị Lưu Thị Tùng A đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0004268 ngày 31 tháng 5 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã H (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tươi